TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 02 - 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

Ông Đặng Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 444/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 444/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ Y, sinh năm 1988; địa chỉ: đường L, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Xuân T, sinh năm 1988; địa chỉ: đường P, Tổ S, Khu A, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (hiện đang chấp hành án tại Trại giam A), có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Y trình bày:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Y và ông Trần Xuân T kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 171/2011, quyển số 01/2011 ngày 07/10/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm rạn nứt, không hàn gắn được. Đến năm 2018 ông Trần Xuân T vi phạm pháp luật và hiện đang chấp hành án tại Trại giam A, hiện vợ chồng đã ly thân từ lâu, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Gia L, sinh ngày 29/10/2011. Nay bà Nguyễn Thị Mỹ Y yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Y yêu cầu được ly hôn với ông Trần Xuân T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Gia L, sinh ngày 29/10/2011. Sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị Mỹ Y yêu cầu được nuôi con chung. Bà Nguyễn Thị Mỹ Y không yêu cầu ông Trần Xuân T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Trần Xuân T trình bày:* Ông Trần Xuân T và bà Nguyễn Thị Mỹ Y kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, nhưng cuối năm 2017 vợ chồng ly thân do không hợp. Đến ngày 26/12/2018 ông Trần Xuân T bị bắt và hiện đang chấp hành án tại Trại giam A. Nay bà Nguyễn Thị Mỹ Y nộp đơn ly hôn thì ông T không đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Gia L, sinh ngày 29/10/2011, ông T không đồng ý để bà Y nuôi con vì con từ nhỏ đã sống với ông T và bà nội.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Mỹ Y có đơn xin ly hôn với ông Trần Xuân T và có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Y, bị đơn ông Trần Xuân T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Y và ông Trần Xuân T tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 171/2011, quyển số 01/2011 ngày 07/10/2011 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Nguyễn Thị Mỹ Y cho rằng vợ chồng sống chung nhưng không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm rạn nứt, không hàn gắn được, hiện vợ chồng đã ly thân từ lâu, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết

vụ án ông T thống nhất cuối năm 2017 vợ chồng ly thân do không hợp. Đến ngày 26/12/2018 ông Trần Xuân T bị bắt và hiện đang chấp hành án tại Trại giam A, ông T không đồng ý ly hôn vì không đồng ý để bà Y nuôi con. Xét thấy, thời gian xảy ra mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, hiện vợ chồng đã ly thân nhiều năm và vợ chồng bà Y, ông T không có ý nguyện hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn của bà Y là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ Y và ông Trần Xuân T có 01 con chung tên Trần Gia L, sinh ngày 29/10/2011. Sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị Mỹ Y yêu cầu được nuôi con chung, ông T không đồng ý để bà Y nuôi con vì con từ nhỏ đã sống với ông T và bà nội. Xét thấy, hiện cháu Linh đang sống cùng với mẹ và có nguyện vọng sống cùng với mẹ; mặt khác, hiện ông T đang chấp hành án tại Trại giam A nên không thể nào chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L được. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu L cho bà Y chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự phát triển cho cháu.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Từ phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Y được ly hôn với ông Trần Xuân T là có căn cứ.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Y là có căn cứ.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ Y phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Y về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn và ông Trần Xuân T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Y được ly hôn với ông Trần Xuân T (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số số 171/2011, quyển số 01/2011 ngày 07/10/2011 của UBND phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ Y là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung tên Trần Gia L, sinh ngày 29/10/2011.

1.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị Mỹ Y nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002056 ngày 15/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- UBND phường C;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong